

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2024/DS-ST
Ngày: 19 - 8 - 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Minh Chiến;
- Bà Trương Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 59/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1469/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1662/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T2 (J)

Địa chỉ: Lầu A, Tòa nhà C, số G N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Taniguchi N – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị T, sinh năm: 2001, có mặt.

Anh Trần Duy T1, sinh năm: 1997, vắng mặt.

Địa chỉ: Số I N, phường N, Thành phố Q, tỉnh Bình Định.

(Hợp đồng ủy quyền ngày 23/5/2024)

2. Bị đơn: Ông Phan Anh D, sinh năm: 1978, vắng mặt

Địa chỉ: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/3/2020 ông Phan Anh D ký Hợp đồng tín dụng số 63120000004547000 (sau đây gọi là Hợp đồng) với Công ty T2 (tên viết tắt là JIVF). Theo thỏa thuận, số tiền vay là 50.000.000 đồng, lãi suất 2,9402%/tháng, thời hạn vay 24 tháng. Tính đến ngày 10/6/2020 ông D thanh toán cho JIVF 5.905.625 đồng (trong đó tiền gốc 3.171.171 đồng, lãi trong hạn 2.695.645 đồng, lãi quá hạn 38.809 đồng). Sau ngày 10/6/2020 ông D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho JIVF. Vậy JIVF yêu cầu ông D phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ tính đến ngày 19/3/2024 là 67.430.643 đồng (trong đó nợ gốc là 46.828.829 đồng, lãi trong hạn 18.693.334 đồng, lãi quá hạn 1.908.480 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi ông D thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu ông D trả số tiền gốc, lãi còn nợ là 67.430.643 đồng, không yêu cầu ông D phải trả tiền lãi phát sinh sau ngày 19/3/2024 cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn ông Phan Anh D trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông Phan Anh D không đến Tòa án, không có văn bản phản hồi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T2. Buộc ông Phan Anh D có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 JACSS số tiền vay gốc, tiền lãi còn nợ tính đến ngày 19/8/2024 là 67.430.643 đồng. Án phí buộc ông Phan Anh D phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Công ty T2 JACSS tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty T2 (JIVF) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Phan Anh D có địa chỉ tại khu vực L, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2] Bị đơn ông Phan Anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[3] Ông D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 96 và Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu của JIVF, Hội đồng xét xử thấy rằng: JIVF khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng và đã xuất trình bản sao Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 63120000004547000 ngày 15/3/2020. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chứng cứ mà JIVF đã giao nộp là hợp lệ, có giá trị chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông D phản đối yêu cầu khởi kiện của JIVF phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông D biết JIVF khởi kiện nhưng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của JIVF nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của JIVF là có căn cứ chấp nhận.

[6] Theo sự thừa nhận của JIVF, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tính đến ngày 10/6/2020 ông D thanh toán cho JIVF 5.905.625 đồng (trong đó tiền gốc 3.171.171 đồng, lãi trong hạn 2.695.645 đồng, lãi quá hạn 38.809 đồng). Sau ngày 10/6/2020 ông D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho JIVF. Tính đến ngày 19/3/2024, ông D còn nợ JIVF số tiền là 67.430.643 đồng (trong đó nợ gốc là 46.828.829 đồng, lãi trong hạn 18.693.334 đồng, lãi quá hạn 1.908.480 đồng).

[7] Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 2 Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 thì việc thỏa

thuận lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận, không bị ràng buộc mức trần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, JIVF yêu cầu ông **D** thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 19/3/2024 là 67.430.643 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Nguyên đơn JIVF không yêu cầu ông **Phan Anh D** phải tiền trả lãi phát sinh từ sau ngày 19/3/2024 cho đến khi trả xong số tiền nợ theo mức lãi suất tại Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 63120000004547000 ngày 15/3/2020. Yêu cầu này của nguyên đơn JIVF có lợi cho bị đơn ông **Phan Anh D**, nên ghi nhận.

[9] Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của JIVF được Tòa án chấp nhận. Mức án phí được tính: 5% x 67.430.643 đồng = 3.371.532 đồng.

[10] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 96, Điều 97, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng khoản 1 Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc **Ngân hàng N1**;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Công ty T2**.

2. Buộc ông **Phan Anh D** phải thanh toán cho **Công ty T2** JACCS tổng số tiền tính đến ngày 19/3/2024 là 67.430.643 đồng (sáu mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty T2 JACCS không yêu cầu ông Phan Anh D phải trả tiền lãi phát sinh sau ngày 19/3/2024 cho đến thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 63120000004547000 ngày 15/3/2020.

4. Về án phí: Buộc ông Phan Anh D phải chịu 3.371.532 (Ba triệu ba trăm bảy mươi một nghìn năm trăm ba mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T2 JACCS 1.685.766 (Một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi sáu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005416 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;

- VKSND thị xã An Nhơn;
- CC THADS thị xã An Nhơn;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Phượng

*Theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng, ông **D** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho JIVF từ sau ngày 10/6/2020 cho đến khi ông **D** thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất trong hạn 2,9402%/tháng (được quy đổi 35,28%/năm). Theo thỏa thuận tại Điều 1, khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng, ông **D** phải trả nợ vào ngày 12 hàng tháng. Từ ngày*

10/6/2020 đến ngày 12/6/2020 (tức 02 ngày), ông **D** phải chịu lãi trong hạn của khoản vay với số tiền lãi 90.527 đồng.

[9] Ngày 12/6/2020 ông **D** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử xác định thời điểm chuyển nợ quá hạn là ngày 12/6/2020. Từ ngày 12/6/2020 đến ngày xét xử (ngày 19/8/2024) là 1529 ngày, lãi suất quá hạn theo thỏa thuận là 150% lãi suất trong hạn (tức 52,92%/năm). Ông **D** phải thanh toán số tiền lãi quá hạn là: đồng. Như vậy, tính đến ngày xét xử, ông **D** phải thanh toán cho JIVF tổng số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là 150.640.876 đồng.

[10] Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của JIVF được Tòa án chấp nhận. Mức án phí được tính: $5\% \times 150.640.876 = 7.532.044$ đồng.

[11] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 96, Điều 97, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng khoản 2 Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc **Ngân hàng N1**;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty T2**.

2. Buộc ông **Phan Anh D** phải thanh toán cho **Công ty T2** JACCS tổng số tiền tính đến ngày 19/8/2024 là 67.430.643 đồng (sáu mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng).

3. Kể từ sau ngày xét xử (ngày 19/8/2024), nếu ông **Phan Anh D** không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì còn phải trả lãi theo thỏa thuận tại Hợp

đồng cho vay tiêu dùng số 63120000004547000 ngày 15/3/2020 cho đến khi ông **D** thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

.....

4. Về án phí: Buộc ông **Phan Anh D** phải chịu 7.532.044 đồng (*Bảy triệu năm trăm ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Công ty T2 JACCS** 1.685.766 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005416 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;

- VKSND thị xã An Nhơn;
- CC THADS thị xã An Nhơn;
- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Phượng